

Bản án số: 185/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05-3-2018

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lương
2. Ông Nguyễn Văn Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đài Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 713/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim N, sinh năm 1979, cư trú tại: đường A, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Anh T, sinh năm 1968, cư trú tại đường A, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Nguyễn Kim N trình bày: Bà và ông Phạm Anh T kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 244/KH, quyền số 02/2002 ngày 25/11/2002. Quá trình chung sống đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do không thống nhất về tiền bạc, về cách nuôi dạy con, ông T thường xuyên thất nghiệp, hay vắng nhà, mỗi lần về nhà luôn nhậu say và kiếm chuyện chửi mắng vợ bằng những lời lẽ thô tục, xúc phạm nặng nề và đánh đập bà N rất nhiều lần, hầu như ngày nào vợ chồng cũng cãi nhau. Tuy nhiên, vì không muốn người

ngoài biết về mâu thuẫn của vợ chồng nên bà N cố chịu đựng, không báo chính quyền địa phương và cũng không cho hàng xóm biết. Bà N đã bỏ ra thuê nhà sống riêng được khoảng 02 năm, đến năm 2009 vì muốn hàn gắn tình cảm gia đình và cho ông T cơ hội sửa đổi nên bà N đã trở về sống chung với ông T. Tuy nhiên, ông T vẫn không thay đổi, vẫn thường xuyên nhậu say, chửi mắng, đánh đập bà và không chăm lo cho gia đình. Từ 02 năm nay hai bên không còn quan hệ vợ chồng với nhau. Nay bà N nhận thấy không còn tình cảm gì với ông T và muốn ổn định cuộc sống, làm ăn sinh sống để lo cho con nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà N khai bà và ông T có 03 con chung tên Phạm Anh T1, sinh ngày 05/3/2003, Phạm Anh T2, sinh ngày 13/6/2005 và Phạm Ngọc Anh T3, sinh ngày 21/01/2011. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có.

Bị đơn, ông Phạm Anh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Kim N vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T vì thực chất vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau từ hơn 02 năm nay, tình cảm không còn. Bà mong muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, tránh cho các con phải chứng kiến cảnh cha mẹ thường xuyên cãi vã, xô xát nhau làm ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần của con. Bà N yêu cầu được nuôi cả 03 con chung như trình bày ở trên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà đang có công việc buôn bán ổn định, có thu nhập đủ khả năng nuôi con, còn ông T thường xuyên đi vắng, về nhà rất khuya nên không thể chăm sóc, dạy dỗ tốt cho các con. Về tài sản chung, nợ chung bà N khai không có.

Ông Phạm Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Y phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 244/KH, quyển số 02/2002 ngày 20/9/2001 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thể hiện hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp. Xét thấy, vợ

chồng phải có trách nhiệm quan tâm, giúp đỡ nhau nhằm tạo dựng hạnh phúc gia đình, nhưng trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà theo bà N trình bày là do có nhiều bất đồng về quan điểm sống, ông T thiếu trách nhiệm với gia đình. Bà N xác định không còn tình cảm với ông T, đã không còn khả năng hàn gắn. Ông T vẫn không có mặt tại phiên tòa để trình bày ý kiến, quan điểm về tình trạng hôn nhân. Qua đó chứng minh rằng ông không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Vì vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp pháp luật và thực tế để các bên ổn định đời sống. Giao 03 trẻ T1, T2, T3 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2015, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, giao 03 trẻ T1, T2, T3 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T. Tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có. Về án phí bà N phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Y tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn – bà Nguyễn Kim N nộp đơn xin ly hôn với bị đơn là ông Phạm Anh T. Theo kết quả xác minh của Công an Phường X, quận Y thì ông T hiện đang cư trú tại đường T, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Y theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Anh T không đến Tòa án để giải quyết mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập để trình bày ý kiến, thông báo tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Anh T.

Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 244/KH, quyền số 02/2002 ngày 25/11/2002 của Ủy ban nhân dân Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Kim N và ông Phạm Anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, ông Phạm Anh T không quan tâm chăm sóc đến gia đình, thường xuyên nhậu say, về trễ, chửi mắng thô tục và đánh đập bà N. Hai bên đã từng sống ly thân từ năm 2007-2009, sau đó vì muốn hàn gắn để cùng lo cho con nên bà N có trở về sống chung nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp diễn trầm trọng, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Xét thấy, trong quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông T không còn sự quan tâm, chia sẻ và tôn trọng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, phía bà N kiên quyết xin ly hôn, ông T không có mặt khi Tòa án triệu tập và cũng không có bất cứ ý kiến trình bày nào đối với yêu cầu ly hôn của bà N. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ nên chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Có 03 con chung tên Phạm Anh T1, sinh ngày 05/3/2003, Phạm Anh T2, sinh ngày 13/6/2005 và Phạm Ngọc Anh T3, sinh ngày 21/01/2011. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy các con hiện đang sống chung với bà N, đang trong độ tuổi phát triển và có nhiều thay đổi về tâm sinh lý nên cần sự chăm sóc của mẹ, sự ổn định về nơi ở, học tập và ổn định về tâm lý. Các trẻ cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Phía ông T không có bất cứ yêu cầu nào về việc nuôi dưỡng con chung. Do vậy, căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà N là có căn cứ chấp nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà N không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, bà Ngọc phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006613 ngày 26/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Kim N:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim N được ly hôn với ông Phạm Anh T.

- Về quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao bà Nguyễn Kim N được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Phạm Anh T1, sinh ngày 05/3/2003, Phạm Anh T2, sinh ngày 13/6/2005 và Phạm Ngọc Anh T3, sinh ngày 21/01/2011.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Phạm Anh T do bà Nguyễn Kim N không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Phạm Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm do bà Nguyễn Kim N phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được miễn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai số 0006613 ngày 26/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Kim N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Y;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Y;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Lê Diễm Thúy